

Bản án số: 485/2023/DS-PT

Ngày: 20/12/2023

*“V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố
di chúc vô hiệu, tranh chấp về
thừa kế tài sản và tranh chấp chia
tài sản chung”.*

NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang

Ông Trần Quốc Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 423/2023/TLPT-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc *“Tranh chấp yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, tranh chấp về thừa kế tài sản và tranh chấp chia tài sản chung”.*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 449/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông **Trịnh Minh T**, sinh năm 1961. Cư trú tại: **Số C, đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh**; có mặt.

2- Bị đơn:

1/ Bà **Trịnh Thị Mỹ H**, sinh năm 1973. Cư trú tại: **Số I, đường Cách mạng tháng tám, Khu phố A, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh**; có mặt.

2/ Bà **Trịnh Thị Mỹ D**, sinh năm 1977. Cư trú tại: **Hẻm A, đường G, tổ B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh**; có mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Trịnh Minh H1**, sinh năm 1964. Cư trú tại: **ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh**; có mặt.

2/ Bà **Trịnh Thị Mỹ D1**, sinh năm 1971. Cư trú tại: **ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh**;

3/ Bà **Trịnh Thị Mỹ H2 (H3)**, sinh năm 1975. Cư trú tại: **Số C, hẻm I, đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh**.

4/ Bà **Huỳnh Hồng H4**, sinh năm 1970; chị **Trịnh Thị Mỹ H5**, sinh năm 1995. Cư trú tại: **Số D, đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh**.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà **Trịnh Thị Mỹ D1**, bà **Trịnh Thị Mỹ H2**, bà **Huỳnh Hồng H4**, chị **Trịnh Thị Mỹ H5**: Anh **Nguyễn Đức C**, sinh năm 1985. Cư trú tại: **Số H, đường T, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh** (Theo Giấy ủy quyền ngày 14-9-2023); có mặt.*

5/ Văn phòng Công chứng **Nguyễn Gia T1**. Địa chỉ: **Số A, đường H, Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh**.

*Người đại diện: Ông **Nguyễn Gia T1** – Trưởng **Văn phòng C2**; vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.*

*Người kháng cáo: Bà **Trịnh Thị Mỹ H**, **Trịnh Thị Mỹ D** là bị đơn.*

Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Trịnh Minh T** trình bày: Cha mẹ ông **Trịnh Minh T** là cụ **Trịnh Minh M** (sinh năm 1940, chết năm 1996) và cụ **Đặng Thị A** (sinh năm 1944, chết năm 2014) có 08 người con ruột là các ông bà **Trịnh Minh T**, **Trịnh Minh H6** (đã chết vào năm 2019, có vợ là bà **Huỳnh Hồng H4** và con là chị **Trịnh Thị Mỹ H5**), **Trịnh Minh H1**, **Trịnh Minh C1** (sinh năm 1969, đã chết vào năm 1980, không có vợ con) **Trịnh Thị Mỹ D1**, **Trịnh Thị Mỹ H**, **Trịnh Thị Mỹ H2** (tên gọi khác là **Trịnh Thị Mỹ H7**) và **Trịnh Thị Mỹ D**. Cụ **M**, cụ **A** không có con nuôi và con riêng. Trong thời gian chung sống, cha mẹ và các anh chị em ông **T** có tạo dựng được tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 288m², thuộc thửa đất 803, tờ bản đồ 03, tọa lạc tại **khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh**, trên đất có nhà cấp 4 (nhà thờ) do cụ **M** và cụ **A** xây vào khoảng năm 1996. Phần đất trên có nguồn gốc do ông bà nội ông **T** cho gia đình ông từ trước năm 1975 nhưng ông không có chứng cứ chứng minh.*

*Cụ **M** chết không để lại di chúc cho ai. Năm 2001, cụ **A** đã đại diện đứng ra lập hồ sơ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình và được **UBND huyện H** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ)*

cho hộ ông (bà) Đặng Thị A, sổ vào sổ GCN 04952 QSDĐ/56/QĐ-UB ngày 02-7-2001. Năm 2013, cụ A đã lập Di chúc để lại toàn bộ tài sản là phần đất trên cho bà **Trịnh Thị Mỹ D** mà không có sự đồng ý của các thành viên còn lại trong hộ gia đình. Đến năm 2014 cụ A chết. Cụ **M** và cụ A không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản với ai.

Nay ông **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc do cụ Đặng Thị A lập ngày 10-6-2013, được công chứng tại Văn phòng Công chứng **Nguyễn Gia T1** là vô hiệu và yêu cầu chia tài sản thừa kế do cụ **M**, cụ A để lại là phần đất có diện tích là 288 m² (đo đạc thực tế là 393,1 m²), thuộc thửa đất số 803 (thửa mới số 82), tờ bản đồ số 3 (tờ bản đồ mới số 19), tọa lạc tại **kh. phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh** và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật. Ông **T** yêu cầu nhận hiện vật, chia đất và tài sản trên đất là căn nhà cấp 4. Đối với nhà tạm và mái che gắn liền với nhà tạm là tài sản của bà **H4**, các tài sản còn lại trên đất là tài sản cha mẹ để lại, ông **T** không có tranh chấp, tài sản trên đất được chia cho ai thì người đó quyền sở hữu. Ông **T** không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của bà **D1**, bà **H4**, bà **H2**.

Ông **T** thống nhất với kết quả đo đạc, thẩm định giá và kết quả giám định Di chúc ngày 10-6-2013 của cụ Đặng Thị A, ông tự nguyện chịu chi phí đo đạc, thẩm định giá. Ngoài ra, ông **T** không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

*Bị đơn bà **Trịnh Thị Mỹ H** trình bày:* Bà **H** thống nhất với lời trình bày của ông **Trịnh Minh T** về quan hệ hôn nhân, huyết thống. Cụ **M** và cụ A có để lại tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 803, tờ bản đồ số 03, diện tích 288 m², tọa lạc tại **kh. phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh**, trên đất có 01 căn nhà cấp 4, do hai cụ xây vào khoảng năm 1995, 1996. Về nguồn gốc phần đất trên thì bà **H** không biết. Cụ A đã được **Ủy ban nhân dân huyện H** (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ vào ngày 02-7-2001.

Cụ **M** chết không để lại di chúc. Ngày 10-6-2013, cụ A có lập di chúc để lại phần đất trên cho bà **Trịnh Thị Mỹ D**, di chúc được công chứng tại **Văn phòng C2**. Sau khi cụ **M** và cụ A chết thì vợ con của ông **Trịnh Minh H6** (bà **Huỳnh Hồng H4**, chị **Trịnh Thị Mỹ H5**) là người quản lý, sử dụng phần nhà đất trên. Cụ **M** và cụ A không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản với ai.

Nay bà **H** không đồng ý việc ông **T** yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc do cụ Đặng Thị A lập ngày 10-6-2013 tại **Văn phòng C2** vô hiệu. Bà **H** yêu cầu chia đôi phần đất trên (diện tích thực tế sau khi đo đạc là 393,1 m²), phần nào của cụ A thì chia cho bà **D** được hưởng theo di chúc (trên đất có căn nhà thờ); phần nào của cụ **M** thì chia đều cho 07 anh chị em, trong đó bà **H** được chia một phần, yêu cầu nhận hiện vật. Nếu bà **H** được chia thừa kế của cụ **M** và cụ A thì bà **H** tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế của bà **H** cho bà **D** được hưởng, GCNQSDĐ sẽ do bà **D** đứng tên. Bà không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của bà **Trịnh Thị Mỹ H2** (tên gọi khác là **Trịnh Thị Mỹ H7**), bà **Trịnh Thị Mỹ D1**, bà **Huỳnh Hồng H4** do phần đất trên là tài sản cha mẹ để lại, không

phải tài sản chung của hộ gia đình. Bà H không có tranh chấp đối với các tài sản còn lại trên đất, tài sản trên đất được chia cho ai thì người đó quyền sở hữu.

Bà H thống nhất với kết quả giám định Di chúc ngày 10-6-2013 của cụ Đặng Thị A. Bà H không có ý kiến gì đối với kết quả đo đạc, thẩm định giá và không yêu cầu thẩm định giá lại. Ngoài ra, bà H không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trịnh Thị Mỹ D trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà Trịnh Thị Mỹ H. Nay bà D không đồng ý việc ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố Di chúc do cụ Đặng Thị A lập ngày 10-6-2013 tại Văn phòng C2 vô hiệu. Bà D yêu cầu chia đôi phần đất trên (diện tích thực tế sau khi đo đạc là 393,1 m²), phần nào của cụ A thì chia cho bà D được hưởng theo di chúc (trên đất có căn nhà thờ); phần nào của cụ M thì chia đều cho 07 anh chị em, trong đó bà D được chia 01 phần, bà D yêu cầu nhận hiện vật. Bà không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của bà Trịnh Thị Mỹ H2 (tên gọi khác là Trịnh Thị Mỹ H7), bà Trịnh Thị Mỹ D1, bà Huỳnh Hồng H4 do phần đất trên là tài sản cha mẹ để lại, không phải tài sản chung của hộ gia đình. Bà D không có tranh chấp đối với các tài sản còn lại trên đất, tài sản trên đất được chia cho ai thì người đó quyền sở hữu.

Bà D thống nhất với kết quả giám định Di chúc ngày 10-6-2013 của cụ Đặng Thị A. Bà D không có ý kiến gì đối với kết quả đo đạc, thẩm định giá và không yêu cầu thẩm định giá lại. Ngoài ra, bà D không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Mỹ H2 (tên gọi khác là Trịnh Thị Mỹ H7) do anh Nguyễn Đức C là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông T về quan hệ hôn nhân, huyết thống và tài sản do cụ M, cụ A để lại. Bà H2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh T về việc chia tài sản thừa kế vì phần đất trên là tài sản chung của hộ gia đình, gồm có cụ A, bà D1, bà D, bà H2 (H7) và ông H6. Bà H2 yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là phần đất diện tích thực tế là 393,1 m², thuộc thửa đất số 803 (thửa mới số 82), tờ bản đồ số 3 (tờ bản đồ mới số 19), tọa lạc tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Bà H2 yêu cầu nhận phần đất có chiều ngang 2,972 mét, dài hết đất, không tranh chấp tài sản trên đất. Trong trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà H2 đề nghị được hưởng kỷ phần theo quy định pháp luật, bà H2 yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Bà H2 thống nhất với kết quả đo đạc, thẩm định giá và kết quả giám định Di chúc ngày 10-6-2013 của cụ Đặng Thị A. Ngoài ra, bà H2 không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Mỹ D1 do anh Nguyễn Đức C là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với ý

kiến của ông T về quan hệ hôn nhân, huyết thống và tài sản do cụ M, cụ A để lại. Bà D1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh T về việc chia tài sản thừa kế vì phần đất trên là tài sản chung của hộ gia đình, gồm cụ A, bà D1, bà D, bà H2 (H7) và ông H6. Bà yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là phần đất diện tích thực tế là 393,1 m², thuộc thửa đất số 803 (thửa mới số 82), tờ bản đồ số 3 (tờ bản đồ mới số 19), tọa lạc tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Bà H2 yêu cầu nhận phần đất có chiều ngang 2,972 mét, dài hết đất, không tranh chấp tài sản trên đất. Trong trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà D1 đề nghị được hưởng kỹ phần theo quy định pháp luật, bà D1 yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Bà D1 thống nhất với kết quả đo đạc, thẩm định giá và kết quả giám định Di chúc ngày 10-6-2013 của cụ Đặng Thị A. Ngoài ra, bà D1 không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Hồng H4, chị Trịnh Thị Mỹ H5 do anh Nguyễn Đức C là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà H4 là vợ, chị H5 là con của ông Trịnh Minh H6, ông H6 đã chết vào năm 2019. Ngoài bà H4 và chị H5 thì không có ai khác là vợ, là con đẻ, con nuôi của ông H6. Sau khi ông H6 chết thì bà H4 và chị H5 tiếp tục sinh sống trên đất, quản lý, sử dụng di sản cho đến nay. Bà H4 có xây nhà tạm trên đất và mái che gắn liền với nhà tạm; nhà thờ (nhà cấp 4) và các công trình phụ khác trên đất là tài sản cụ M, cụ A.

Bà H4 thống nhất với ý kiến của ông T về quan hệ hôn nhân, huyết thống và tài sản do cụ M, cụ A để lại. Bà H4 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh T về việc chia tài sản thừa kế vì phần đất trên là tài sản chung của hộ gia đình, gồm cụ A, bà D1, bà D, bà H2 (H7) và ông H6. Bà H4 yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là phần đất diện tích thực tế là 393,1 m², thuộc thửa đất số 803 (thửa mới số 82), tờ bản đồ số 3 (tờ bản đồ mới số 19), tọa lạc tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Bà H2 yêu cầu nhận phần đất có chiều ngang 2,972 mét, dài hết đất, không tranh chấp tài sản trên đất. Trong trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà H4, chị H5 đề nghị được hưởng kỹ phần thừa kế và tính công sức bảo quản, giữ gìn di sản là quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật (không yêu cầu tính công sức bảo quản, giữ gìn đối với nhà thờ trên đất). Bà H4 yêu cầu nhận hiện vật và đồng ý thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Bà H4 tự nguyện tháo dỡ nhà tạm và mái che gắn liền với nhà tạm để giao đất cho các đồng thừa kế khác. Chị H5 tự nguyện tặng cho kỹ phần thừa kế của mình cho bà H4 được hưởng.

Bà H4, chị H5 thống nhất với kết quả đo đạc, thẩm định giá và kết quả giám định Di chúc ngày 10-6-2013 của cụ Đặng Thị A. Ngoài ra, bà H4, chị H5 không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trịnh Minh H1** trình bày: Ông **H1** thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông **T**. Ông **H1** yêu cầu được chia 01 kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật, yêu cầu được nhận hiện vật (chia đất và tài sản trên đất là căn nhà thờ). Ông **H1** thống nhất với kết quả đo đạc, thẩm định giá và kết quả giám định Di chúc ngày 10-6-2013 của cụ Đặng Thị A. Ngoài ra, ông **H1** không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 04-7-2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng **Nguyễn Gia T1** do ông **Nguyễn Gia T1** là người đại diện trình bày: **Văn phòng C2** không có ý kiến gì trong vụ án, Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 127/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Minh T** đối với bà **Trịnh Thị Mỹ H**, bà **Trịnh Thị Mỹ D** về việc: “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và tranh chấp về thừa kế tài sản”.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà **Trịnh Thị Mỹ D1**, bà **Trịnh Thị Mỹ H2 (H7)**, bà **Huỳnh Hồng H4** về việc: “Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung”.

3. Tuyên bố Di chúc của cụ Đặng Thị A được **Văn phòng C2** công chứng ngày 10-6-2013 có nội dung giao cho bà **Trịnh Thị Mỹ D** hưởng thừa kế phần đất tại thửa 803, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh) bị vô hiệu một phần.

4. Chia theo hiện vật:

- Giao cho bà **Trịnh Thị Mỹ D1**, bà **Trịnh Thị Mỹ H2 (H7)**, bà **Huỳnh Hồng H4** và chị **Trịnh Thị Mỹ H5** được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 248,9 m² (chiều ngang giáp đường nhựa **Huỳnh Tấn P** là 9,41 mét, dài hết đất) và căn nhà gắn liền với đất (có chiều ngang 6,41 mét). Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 64, 189, dài 9,11 mét

Hướng Tây giáp đường dài 9,41 mét.

Hướng Nam giáp phần đất chia cho bà **D**, dài 26,64 mét.

Hướng Bắc giáp thửa 68, dài 27,13 mét.

Trong đó phần của bà **D1** là 3,136 mét ngang, dài hết đất; phần của bà **H2 (H7)** là 3,136 mét ngang, dài hết đất; phần của bà **H4** và chị **H5** là 3,136 mét ngang, dài hết đất. Ghi nhận chị **H5** tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho bà **H4** được hưởng.

(Có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án).

- Giao cho bà **Trịnh Thị Mỹ D** được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 144,2 m² (chiều ngang giáp đường nhựa **Huỳnh Tấn P** là 5,45 mét, dài hết đất). Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 189, 248, dài 5,46 mét.

Hướng Tây giáp đường dài 5,45 mét.

Hướng Nam giáp thửa 89, dài 26,20 mét.

Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà **D1**, bà **H2**, bà **H4**, chị **H5**, dài 26,64 mét.

Trong đó phần của bà **D** là 4,622 mét ngang, dài hết đất; phần của bà **H** là 0,825 m ngang, dài hết đất. Ghi nhận bà **H** tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho bà **D** được hưởng.

(Có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án).

- Ghi nhận bà **Huỳnh Hồng H4** tự nguyện tháo dỡ nhà tạm trên đất (có chiều ngang giáp đường nhựa **Huỳnh Tấn P** là 5,12 m) và mái che gắn liền với nhà tạm để giao đất cho các đồng thừa kế. Các tài sản còn lại đương sự không có tranh chấp nên phần công trình xây dựng trên phần đất giao cho ai thì người đó được sở hữu.

- Đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp theo quyết định của bản án này. Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo bản án.

5. Chia theo giá trị:

- Bà **Trịnh Thị Mỹ D1** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Trịnh Minh H1** số tiền giá trị đất theo kỷ phần ông **H1** được chia là 521.736.600 đồng.

- Bà **Trịnh Thị Mỹ H2** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Trịnh Minh T** số tiền giá trị đất theo kỷ phần ông **T** được chia là 521.736.600 đồng.

- Bà **Trịnh Thị Mỹ D1**, bà **Trịnh Thị Mỹ H2 (H7)**, bà **Huỳnh Hồng H4** có nghĩa vụ thanh toán giá trị nhà trên đất cho bà **Trịnh Thị Mỹ H**, bà **Trịnh Thị Mỹ D**, ông **Trịnh Minh T**, ông **Trịnh Minh H1** mỗi người 34.402.000 đồng. Ghi nhận bà **H** tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho bà **D** được hưởng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2023 bà **Trịnh Thị Mỹ H**, **Trịnh Thị Mỹ D** kháng cáo yêu cầu xem xét cho bà **Trịnh Thị Mỹ D** được hưởng theo di chúc của cụ A, phần di sản của cụ **M** thì chia đều cho 07 anh em. Yêu cầu nhận hiện vật.

Ngày 09/10/2023 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh kháng nghị: Phần đất tranh chấp có diện tích là 288 m² (đo đạc thực tế là

393,1 m²), thuộc thửa đất số 803 (thửa mới số 82), tờ bản đồ số 3 (tờ bản đồ mới số 19), tọa lạc tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Có nguồn gốc của cha mẹ cụ M và cụ A cho cụ M và cụ A. Cụ M chết 1996 không có di chúc nên ½ tài sản là di sản của cụ M. Còn ½ tài sản và 01 kỷ phần thừa kế mà cụ A được hưởng là di sản của cụ A (cụ A chết 2014). Cấp sơ thẩm dựa vào hồ sơ cấp GCNQSDĐ để cấp cho hộ bà Đặng Thị A và dựa vào Công văn trả lời của U T2, Tây Ninh cho rằng phần đất được cấp cho các thành viên có tên trong sổ hộ khẩu tại thời điểm cấp giấy và được lưu trữ trong hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ của bà Đặng Thị A để xác định diện tích 144m² là tài sản chung hộ gia đình (Đặng Thị A, Trịnh Minh H6, Trịnh Thị Mỹ D1, Trịnh Thị Mỹ H2 (H7), Trịnh Thị Mỹ D) là không có cơ sở. Kháng nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thoả thuận được với nhau để giải quyết vụ án. Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát bổ sung kháng nghị về chi phí tố tụng (do đặc và thẩm định giá) bản án sơ thẩm tuyên ông T tự nguyện chịu hoàn toàn là không phù hợp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh và bổ sung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa. Sửa bản án sơ thẩm theo kháng nghị nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Gia T1 (do ông Nguyễn Gia T1 là người đại diện) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Nội dung vụ án:

Cụ **Trịnh Minh M** (sinh năm 1940, chết năm 1996) và cụ Đặng Thị A (sinh năm 1944, chết năm 2014) là vợ chồng, có 08 người con chung là: Ông **Trịnh Minh T**, ông **Trịnh Minh H1**, ông **Trịnh Minh C1** (đã chết vào năm 1980, không có vợ con), ông **Trịnh Minh H6** (đã chết năm 2019, có vợ là bà **Huỳnh Hồng H4** và con là chị **Trịnh Thị Mỹ H5**), bà **Trịnh Thị Mỹ D1**, bà **Trịnh Thị Mỹ D**, bà **Trịnh Thị Mỹ H2 (H7)** và bà **Trịnh Thị Mỹ H**. Cụ **M** và cụ A không có con riêng, con nuôi. Cha mẹ của cụ **M**, cụ A đã chết trước hai cụ.

Người thừa kế theo pháp luật của cụ **M** gồm có: cụ Đặng Thị A, ông **Trịnh Minh T**, ông **Trịnh Minh H1**, ông **Trịnh Minh H6** (đã chết năm 2016, có vợ là bà **Huỳnh Hồng H4** và con là chị **Trịnh Thị Mỹ H5**), bà **Trịnh Thị Mỹ D1**, bà **Trịnh Thị Mỹ D**, bà **Trịnh Thị Mỹ H2 (H7)** và bà **Trịnh Thị Mỹ H**.

Người thừa kế theo pháp luật của cụ A gồm có: ông **Trịnh Minh T**, ông **Trịnh Minh H1**, ông **Trịnh Minh H6** (đã chết năm 2019, có vợ là bà **Huỳnh Hồng H4** và con là chị **Trịnh Thị Mỹ H5**), bà **Trịnh Thị Mỹ D1**, bà **Trịnh Thị Mỹ D**, bà **Trịnh Thị Mỹ H2 (H7)** và bà **Trịnh Thị Mỹ H**.

Trong tất cả những người thừa kế theo pháp luật của hai cụ không có ai từ chối nhận di sản hoặc bị truất quyền nhận di sản thừa kế.

[2.1] Về đối tượng tranh chấp:

Phần đất tranh chấp có diện tích 288 m² (đo đạc thực tế 393,1 m²) thuộc thửa đất số 803 (thửa mới số 82), tờ bản đồ số 3 (tờ bản đồ mới số 19), tọa lạc tại **khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh**. Giá trị đất là 9.397.585.792 đồng (tương đương 632.408.000 đồng/m ngang, dài hết đất), tài sản trên đất là: 304.836.596 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là 9.702.422.387 đồng.

- Ghi nhận các đương sự chỉ tranh chấp và yêu cầu chia đôi với tài sản trên đất là nhà thờ (nhà cấp 4), không tranh chấp đối với các tài sản còn lại. Đối với nhà tạm và mái che gắn liền với nhà tạm trên đất do bà **H4** xây, ghi nhận bà **H4** tự nguyện tháo dỡ để giao đất cho các đồng thừa kế khác.

[3] Xét kháng cáo của bà **Trịnh Thị Mỹ H**, bà **Trịnh Thị Mỹ D**; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh và bổ sung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh Hội đồng xét xử xét thấy rằng:

[3.1] Xác định di sản của cụ **M**:

Căn cứ lời khai của các đương sự và hồ sơ cấp GCNQSDĐ thì phần đất trên có nguồn gốc là của cha mẹ cụ **M**, cụ A cho từ năm 1951, được cụ **M** và cụ A cùng sinh sống trên đất, sử dụng đất từ năm 1960. Năm 1996 cụ **M** và cụ A xây dựng nhà trên đất và sinh sống cho đến khi chết. Năm 1996 cụ **M** chết, đến năm 2000, cụ A (chủ hộ gia đình) đi đăng ký kê khai lần đầu và được Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thị xã H) cấp CGNQSDĐ ngày 02-7-2001, diện tích được cấp là 288 m².

Cụ **M** và cụ A là vợ chồng hợp pháp, đã cùng nhau sử dụng đất từ năm 1960. Theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 thì: *“Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”*.

Tại Điều 17 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: *“Khi một bên chết trước, nếu cần chia tài sản chung của vợ chồng thì chia đôi. Phần tài sản của người chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế”*.

Cụ **M** chết vào năm 1996, theo quy định tại Điều 648 của Bộ luật Dân sự năm 1995 thì thời hiệu khởi kiện về thừa kế là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế, tại thời điểm cụ A đi đăng ký kê khai phân đất tranh chấp thì thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ **M** vẫn còn. Do đó, có căn cứ xác định di sản thừa kế cụ **M** để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất nêu trên, cụ thể 196,55 m², tương ứng 7,43 m ngang, dài hết đất.

[3.2] Xác định di sản của cụ A:

Phần tài sản của cụ A là 144 m² (đo đạc thực tế 196,55 m²). Vì vậy việc Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thị xã H) cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ A mà không có sự đồng ý tặng cho phần di sản của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ **M** là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ, trong đó có ông T. Tại thời điểm xin cấp GCNQSDĐ vào năm 2000, cụ A chỉ được quyền định đoạt đối với phần tài sản của mình là 144 m² (đo đạc thực tế 196,55 m²).

Tại Văn bản phúc đáp số 701/UBND ngày 29-5-2023 của Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh (Bút lục số 127) xác định: “Theo hồ sơ thể hiện, năm 2000, bà Đặng Thị A đại diện cho hộ gia đình có Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 803, tờ bản đồ số 03, diện tích 288 m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố H, phường H, thành phố T), nguồn gốc đất cha mẹ cho, đơn được Ủy ban nhân dân xã H ký xác nhận ngày 20-12-2000, Phòng Địa chính huyện H xác nhận nội dung “Hộ bà Đặng Thị A đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” ngày 19-3-2001. Căn cứ Luật đất đai năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 02-12-1998; biên bản kiểm tra hồ sơ xét duyệt đăng ký đất của Phòng Địa chính Hòa Thành ngày 20-6-2001 và Tờ trình số 25/TT.UB của Ủy ban nhân dân xã H ngày 13-6-2001; ngày 02-7-2001 Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành Quyết định số 56/QĐ.UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đợt 25 xã H - H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Đặng Thị A và 80 hộ gia đình, cá nhân khác. Việc Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thị xã H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ (ông) bà Đặng Thị A đảm bảo theo trình tự, thủ tục quy định. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04952 QSDĐ/56/QĐ.UB ngày 02-7-2001 cho hộ ông (bà) Đặng Thị A đứng tên tại thửa đất số 803, tờ bản đồ số 03, diện

tích 288 m², đất tọa lạc tại xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh là cấp cho hộ gia đình bà Đặng Thị A.

Tại văn bản phúc đáp số 822/UBND ngày 21-6-2023 của Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh (Bút lục số 147) xác định: “GCNQSDĐ số 04952 QSDĐ/56/QĐ.UB cấp ngày 02-7-2001 tại thửa đất số 803, tờ bản đồ số 03, diện tích 288 m² đất tọa lạc tại xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh được cấp cho các thành viên có tên trong sổ hộ khẩu tại thời điểm cấp giấy và được lưu trữ trong hồ sơ đăng ký, cấp GCNQSDĐ của bà Đặng Thị A”.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ của bà Đặng Thị A thể hiện: Tại Đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ năm 2000 (đơn không ghi ngày tháng nhưng có xác nhận của UBND cấp xã vào ngày 20-12-2000) có ghi: “*Họ và tên chủ hộ gia đình (cá nhân):* Đặng Thị A, hồ sơ đất gồm có 1 hộ khẩu, 1 CMND phô tô”. Căn cứ sổ hộ khẩu ngày 01-9-1997 do bà A cung cấp trong hồ sơ cấp giấy thì gồm có các thành viên: Đặng Thị A, Trịnh Minh H6, Trịnh Thị Mỹ D1, Trịnh Thị Mỹ D, Trịnh Thị Mỹ H7. Theo kết quả cung cấp thông tin của Công an thành phố T thì cụ M và cụ A không có người con nào tên Trịnh Thị Mỹ H7. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất trình bày bà Trịnh Thị Mỹ H2 còn có tên gọi khác là Trịnh Thị Mỹ H7 nên có căn cứ xác định tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, hộ gia đình cụ A có 05 thành viên gồm cụ A, ông H6, bà D1, bà H2 (H7) và bà D. Căn cứ các Điều 118, 229, 232 của Bộ luật Dân sự năm 1995, có cơ sở xác định tại thời điểm cấp GCNQSDĐ vào năm 2001 thì phần diện tích đất 144 m² của cụ A đã được xác lập là tài sản chung của hộ gia đình gồm có 05 thành viên là cụ A, ông H6, bà D1, bà H2 (H7) và bà D, các thành viên trong hộ có quyền, nghĩa vụ ngang nhau khi định đoạt tài sản chung. Như vậy, cụ A, ông H6, bà D1, bà D, bà H2 (H7) mỗi người được quyền sử dụng 39,31 m² (tương ứng 1,486 m ngang, dài hết đất). Cụ A chết năm 2014 nên phần di sản cụ A để lại là 1,486 m ngang, dài hết đất.

[3.3] Đối với Tờ di chúc cụ A lập ngày 10-6-2013 được Văn phòng C2 công chứng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T có đơn yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của cụ A trong Di chúc trên.

Tại Kết luận giám định số 2331/KL – KTHS ngày 27-4-2023 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C3 tại Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục số 173) kết luận: Chữ ký “A”, chữ viết họ tên “Đặng Thị A” dưới mục “Người lập di chúc” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đặng Thị A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra”. Như vậy, về hình thức và trình tự thủ tục công chứng tuân thủ đúng quy định của Luật công chứng 2006.

Về nội dung bản di chúc thể hiện “...*Hiện nay tôi tinh thần minh mẫn, sáng suốt nên tôi lập tờ di chúc này để lại phần tài sản mình mà tôi được hưởng theo quy định pháp luật cho Trịnh Thị Mỹ D, sinh năm 1977, CMND số*

290.652.932 cấp tại C4... Tài sản gồm có diện tích 288 m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 803, mục đích sử dụng: T, thời hạn sử dụng đất lâu dài (Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04952 QSDĐ/56/QĐ – UB do UBND huyện H cấp ngày 02-7-2001). Sau khi tôi qua đời thì Trịnh Thị Mỹ D được hưởng phần tài sản nêu trên... Di chúc này tôi lập với ý chí hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc....”.

Trong 288 m² đất (đo đạc thực tế là 393,1 m²) mà cụ A lập di chúc để lại toàn bộ cho bà D thì cụ A chỉ được hưởng 01 phần do cụ A là người thừa kế của cụ M là 21,83 m² (tương ứng 0,825 m ngang, dài hết đất) và 01 phần trong tài sản chung của hộ gia đình là 39,31 m² (tương ứng 1,486 m ngang, dài hết đất) nhưng cụ A lại lập di chúc giao toàn bộ diện tích đất cho bà D mà không được sự đồng ý của những người đồng thừa kế của cụ M là xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy Tờ di chúc của cụ A lập ngày 10-6-2013 về nội dung bị vô hiệu một phần.

[3.4] Phân chia di sản và tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất:

Di sản của cụ M được phân chia thành 08 kỷ phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ M và 01 kỷ phần cho người có công quản lý tôn tạo di sản là bà Huỳnh Hồng H4, chị Trịnh Thị Mỹ H5.

Cụ thể:

+ Cụ A, ông H1, ông T, bà H, bà D, bà D1, bà H2, mỗi người hưởng 01 kỷ phần, tương ứng 0,825 m ngang, dài hết đất/01 kỷ phần, trị giá: 521.736.600 đồng.

Kỷ phần của cụ A được hưởng sẽ giao cho bà D hưởng theo Di chúc của cụ A lập ngày 10-6-2013; kỷ phần của bà H được hưởng sẽ giao cho bà D được hưởng theo ý kiến của bà H.

+ Bà Huỳnh Hồng H4 và chị Trịnh Thị Mỹ H5 được hưởng chung 02 kỷ phần (01 kỷ phần thừa kế chuyển tiếp của ông H6 và 01 kỷ phần cho người có công quản lý, giữ gìn di sản), tương ứng 1,65 m ngang, dài hết đất, trị giá: 1.043.473.200 đồng.

- Phân chia tài sản chung của hộ gia đình: Cụ A, bà D1, bà H2 (H7), bà D mỗi người được chia 1,486 m ngang; bà H4 và chị H5 được chia chung 1,486 m ngang, dài hết đất. Di sản của cụ A trong phần tài sản chung của hộ gia đình được giao cho bà D hưởng theo di chúc ngày 10-6-2013.

Như vậy:

+ Ông T được chia 0,825 m ngang, dài hết đất, trị giá 521.736.600 đồng.
 + Ông H1 được chia 0,825 m ngang, dài hết đất, trị giá 521.736.600 đồng.
 + Bà H được chia 0,825 m ngang, dài hết đất, trị giá 521.736.600 đồng.
 Ghi nhận bà H tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho D được hưởng.

+ Bà **D** được chia 0,825 m ngang (kỷ phần thừa kế của bà **D**) + 0,825 m ngang (kỷ phần thừa kế của cụ A) + 0,825 m ngang (kỷ phần thừa kế của bà **H**) + 1,486 m ngang (phần tài sản chung của cụ A) + 1,486 m ngang (phần tài sản chung của bà **D**) = 5,447 m ngang, làm tròn 5,45 m ngang, dài hết đất, trị giá 3.446.624.000 đồng.

+ Bà **D1** được chia: 0,825 m ngang + 1,486 m ngang = 2,311 m ngang, dài hết đất, trị giá 1.461.495.000 đồng.

+ Bà **H2** được chia: 0,825 m ngang + 1,486 m ngang = 2,311 m ngang, dài hết đất, trị giá 1.461.495.000 đồng.

+ Bà **H4** và chị **H5** được chia: (0,825 m ngang + 0,825 m ngang + 1,486 m ngang) = 3,136 m ngang, dài hết đất, trị giá: 1.983.231.000 đồng. Ghi nhận chị **H5** tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho bà **H4** được hưởng.

[3.5] Phân chia di sản và tài sản chung là tài sản gắn liền với đất:

- Các đương sự chỉ tranh chấp đối với căn nhà thờ trên đất (có chiều ngang giáp đường nhựa **Huỳnh Tấn P** là 6,41 m), trị giá nhà là 240.812.650 đồng, được chia đều cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ **M** và cụ A được hưởng, cụ thể: Ông **T**, ông **H1**, bà **H**, bà **D**, bà **D1**, bà **H2** (**H7**) mỗi người được chia 34.402.000 đồng; bà **H4** và chị **H5** được chia chung 34.402.000 đồng. Ghi nhận bà **H** tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho bà **D** được hưởng, chị **H5** tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho bà **H4** được hưởng.

- Đối với nhà tạm trên đất (có chiều ngang giáp đường nhựa **Huỳnh Tấn P** là 5,12 m) và mái che gắn liền với nhà tạm: bà **H4** xác định là tài sản của bà **H4**, bà **H** cho rằng là tài sản của cụ **M** và cụ A nhưng bà **H** không có chứng cứ chứng minh và không có tranh chấp. Ghi nhận bà **H4** tự nguyện tháo dỡ nhà khi giao đất cho các đồng thừa kế.

- Các tài sản còn lại không có tranh chấp nên phần công trình xây dựng trên phần đất giao cho ai thì người đó được quyền sở hữu.

[3.6] Phân chia theo hiện vật:

- Đối với phần đất được chia cho ông **T** và ông **H1** không đủ điều kiện tách thửa. Bà **D1**, bà **H2** đồng ý nhận đất và thanh toán lại giá trị cho ông **T**, ông **H1** nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Bà **D1**, bà **H2**, bà **H4** yêu cầu được nhận đất và thống nhất đứng tên chung trên GCNSDD, xét thấy yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu được nhận đất và căn nhà thờ trên đất. Tuy nhiên, xét thấy trong nội dung Di chúc ngày 10-6-2013 không thể hiện việc cụ A để lại căn nhà thờ cho bị đơn (bà **D**) được hưởng. Mặc khác, khi hai cụ còn sống thì ông **H6** cùng vợ con là bà **H4**,

chị **H5** sống chung với hai cụ; sau khi hai cụ và ông **H6** chết thì bà **H4** và chị **H5** là người tiếp tục quản lý, sử dụng đất nên tiếp tục giao cho bà **H4** quản lý, sử dụng chung với bà **D1**, bà **H2**. Bà **D1**, bà **H2**, bà **H4** có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

- Giao cho bà **D1**, bà **H2**, bà **H4**, chị **H5** được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 248,9 m² (chiều ngang giáp đường nhựa **Huỳnh Tấn P** là 9,41 mét, dài hết đất) và căn nhà gắn liền với đất (có chiều ngang 6,41 mét). Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 64, 189, dài 9,11 mét.

Hướng Tây giáp đường dài 9,41 mét.

Hướng Nam giáp phần đất chia cho bà **D**, dài 26,64 mét.

Hướng Bắc giáp thửa 68, dài 27,13 mét.

Ghi nhận chị **H5** tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho bà **H4** được hưởng.

- Giao cho bà **D** được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 144,2 m² (chiều ngang giáp đường nhựa **Huỳnh Tấn P** là 5,45 mét, dài hết đất). Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 189, 248, dài 5,46 mét.

Hướng Tây giáp đường dài 5,45 mét.

Hướng Nam giáp thửa 89, dài 26,20 mét.

Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà **D1**, bà **H2**, bà **H4**, chị **H5**, dài 26,64 mét.

- Ghi nhận bà **Huỳnh Hồng H4** tự nguyện tháo dỡ nhà tạm và mái che gắn liền với nhà tạm trên đất để giao đất cho các đồng thừa kế. Các tài sản còn lại trên phần đất được giao cho ai thì người đó được quyền sở hữu.

[3.7] Phân chia theo giá trị:

- Bà **D1** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **H1** số tiền 521.736.600 đồng.

- Bà **H2** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **T** số tiền 521.736.600 đồng.

- Do giao nhà cho bà **D1**, bà **H2** (**H7**), bà **H4** quản lý, sử dụng chung nên bà **D1**, bà **H2** (**H7**), bà **H4** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **T** 34.402.000 đồng, ông **H1** 34.402.000 đồng, bà **H** 34.402.000 đồng, bà **D** 34.402.000 đồng. Ghi nhận phần bà **H** tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho bà **D** hưởng, chị **H5** tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho bà **H4** hưởng.

[3.8] Đối với nhà tạm trên đất (có chiều ngang giáp đường nhựa **Huỳnh Tấn P** là 5,12 m) là nhà do bà **H4** xây, các đương sự không có tranh chấp. Ghi nhận bà **H4** tự nguyện tháo dỡ nhà để giao đất cho các đồng thừa kế, các tài sản

còn lại không có tranh chấp nên phần công trình xây dựng trên phần đất giao cho ai thì người đó được quyền sở hữu.

[4] Từ những phân tích trên cấp sơ thẩm đã xem xét đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà **H**, bà **D** không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà **H**, bà **D** và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Đối với kháng nghị bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh về chi phí tố tụng, bản án sơ thẩm tuyên ông **T** chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định giá là không phù hợp với quy định tại Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự mà các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo tỷ phần các đương sự hưởng, cụ thể chi phí đo đạc, thẩm định giá là 33.926.000 đồng. Ông **T**, ông **H1** mỗi người được hưởng số tiền 556.138.600 đồng thì chi phí tố tụng ông **T**, ông **H1** mỗi người phải chịu là 1.957.797 đồng; bà **D** được hưởng 3.515.428.000 đồng phải chịu 12.375.508 đồng; bà **H2**, bà **D1** được hưởng 1.495.897.000 đồng thì mỗi người phải chịu 5.266.068 đồng; bà **H4** được hưởng 2.017.633.000 đồng phải chịu 7.102.757 đồng. Do ông **T** đã tạm nộp số tiền trên nên ông **H1**, bà **D**, bà **H2**, bà **D1**, bà **H4** hoàn trả cho ông **T** số tiền 31.968.203 đồng cụ thể: ông **H1** trả 1.957.797 đồng; bà **D** trả 12.375.508 đồng; bà **H2** trả 5.266.068 đồng; bà **D1** trả 5.266.068 đồng; bà **H4** trả 7.102.757 đồng. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng nghị bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa. Sửa bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận 01 phần kháng nghị.

[6] Án phí: Do kháng cáo của bà **H**, bà **D** không được chấp nhận nên bà **H**, bà **D** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **Trịnh Thị Mỹ H**, bà **Trịnh Thị Mỹ D**.

- Chấp nhận 01 phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh và bổ sung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào: Các Điều 646, 647, 649, 652, 658 của Bộ luật Dân sự 2005; Các Điều 36, 37, 38, 39, 40, 41 của Luật công chứng 2006; Các Điều 623, 624, 630, 649, 650, 651, 659, 660 của Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 207, 209, 212, 219 của Bộ luật Dân sự 2015; Các Điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; Các Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Minh T** đối với bà **Trịnh Thị Mỹ H**, bà **Trịnh Thị Mỹ D** về việc: “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và tranh chấp về thừa kế tài sản”.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà **Trịnh Thị Mỹ D1**, bà **Trịnh Thị Mỹ H2 (H7)**, bà **Huỳnh Hồng H4** về việc: “Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung”.

3. Tuyên bố Di chúc của cụ Đặng Thị A được **Văn phòng C2** công chứng ngày 10-6-2013 có nội dung giao cho bà **Trịnh Thị Mỹ D** hưởng thừa kế phần đất tại thửa 803, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại **xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh)** bị vô hiệu một phần.

4. Chia theo hiện vật:

- Giao cho bà **Trịnh Thị Mỹ D1**, bà **Trịnh Thị Mỹ H2 (H7)**, bà **Huỳnh Hồng H4** và chị **Trịnh Thị Mỹ H5** được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 248,9 m² (chiều ngang giáp đường nhựa **Huỳnh Tấn P** là 9,41 mét, dài hết đất) và căn nhà gắn liền với đất (có chiều ngang 6,41 mét). Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 64, 189, dài 9,11 mét

Hướng Tây giáp đường dài 9,41 mét.

Hướng Nam giáp phần đất chia cho bà **D**, dài 26,64 mét.

Hướng Bắc giáp thửa 68, dài 27,13 mét.

Trong đó phần của bà **D1** là 3,136 mét ngang, dài hết đất; phần của bà **H2 (H7)** là 3,136 mét ngang, dài hết đất; phần của bà **H4** và chị **H5** là 3,136 mét ngang, dài hết đất. Ghi nhận chị **H5** tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho bà **H4** được hưởng.

(Có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án).

- Giao cho bà **Trịnh Thị Mỹ D** được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 144,2 m² (chiều ngang giáp đường nhựa **Huỳnh Tấn P** là 5,45 mét, dài hết đất). Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 189, 248, dài 5,46 mét.

Hướng Tây giáp đường dài 5,45 mét.

Hướng Nam giáp thửa 89, dài 26,20 mét.

Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà **D1**, bà **H2**, bà **H4**, chị **H5**, dài 26,64 mét.

Trong đó phần của bà **D** là 4,622 mét ngang, dài hết đất; phần của bà **H** là 0,825 m ngang, dài hết đất. Ghi nhận bà **H** tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho bà **D** được hưởng.

(Có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án).

- Ghi nhận bà **Huỳnh Hồng H4** tự nguyện tháo dỡ nhà tạm trên đất (có chiều ngang giáp đường nhựa **Huỳnh Tấn P** là 5,12 m) và mái che gắn liền với nhà tạm để giao đất cho các đồng thừa kế. Các tài sản còn lại đương sự không có tranh chấp nên phần công trình xây dựng trên phần đất giao cho ai thì người đó được sở hữu.

- Đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp theo quyết định của bản án này. Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo bản án.

5. Chia theo giá trị:

- Bà **Trịnh Thị Mỹ D1** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Trịnh Minh H1** số tiền giá trị đất theo kỷ phần ông **H1** được chia là 521.736.600 đồng.

- Bà **Trịnh Thị Mỹ H2** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Trịnh Minh T** số tiền giá trị đất theo kỷ phần ông **T** được chia là 521.736.600 đồng.

- Bà **Trịnh Thị Mỹ D1**, bà **Trịnh Thị Mỹ H2 (H7)**, bà **Huỳnh Hồng H4** có nghĩa vụ thanh toán giá trị nhà trên đất cho bà **Trịnh Thị Mỹ H**, bà **Trịnh Thị Mỹ D**, ông **Trịnh Minh T**, ông **Trịnh Minh H1** mỗi người 34.402.000 đồng. Ghi nhận bà **H** tự nguyện tặng cho kỷ phần của mình cho bà **D** được hưởng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Trịnh Minh T** được miễn nộp do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí.

- Ông **Trịnh Minh H1** chịu 26.246.000 đồng.

- Bà **Trịnh Thị Mỹ D** chịu 102.308.560 đồng.

- Bà **Trịnh Thị Mỹ H2** chịu 56.877.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0002310 ngày 17-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà **H2** còn phải nộp 49.377.000 đồng.

- Bà **Trịnh Thị Mỹ D1** chịu 56.877.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0002311 ngày 17-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà **D1** còn phải nộp 49.377.000 đồng.

- Bà **Huỳnh Hồng H4** chịu 72.353.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0002309 ngày

17-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà **H4** còn phải nộp 64.853.000 đồng.

7. Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí đo đạc, thẩm định giá:

Ông Thu chịu 1.957.797 đồng, ghi nhận đã nộp xong.

Ông **H1** chịu 1.957.797 đồng; bà **D** chịu 12.375.508 đồng; bà **H2** chịu 5.266.068 đồng; bà **D1** chịu 5.266.068 đồng; bà **H4** chịu 7.102.757 đồng. Do ông **T** đã tạm nộp số tiền trên nên ông **H1**, bà **D**, bà **H2**, bà **D1**, bà **H4** hoàn trả cho ông **T** số tiền 31.968.203 đồng cụ thể: ông **H1** trả 1.957.797 đồng; bà **D** trả 12.375.508 đồng; bà **H2** trả 5.266.068 đồng; bà **D1** trả 5.266.068 đồng; bà **H4** trả 7.102.757 đồng.

- Về chi phí giám định: Ông Thu chịu 9.000.000 đồng, ghi nhận đã nộp xong.

8. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà **Trịnh Thị Mỹ H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **H** đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0002504 ngày 02/10/2023 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận bà **H** đã nộp xong.

Bà **Trịnh Thị Mỹ D** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **H** đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0002503 ngày 02/10/2023 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận bà **D** đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thành phố Tây Ninh;
- CCTHADS thành phố Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Hằng